

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 24/05/2020 - **Phòng Thi:** B1-402 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000001	35171020174	Nguyễn Thúy An	24/03/1988	LT22AD002				
2	000002	35181020682	Đặng Thị Quỳnh Anh	08/01/1996	LT23.1KN004				
3	000003	35181025485	Hoàng Thị Kim Anh	26/05/1997	LT23.2FT001				
4	000004	35181020405	Lâm Văn Anh	15/08/1995	LT23.1FT005				
5	000005	35181025368	Lê Nguyễn Kỳ Anh	20/09/1997	LT23.2FT001				
6	000006	35181020700	Lê Thị Ngọc Anh	25/08/1993	LT23.1KN002				
7	000007	35181025429	Lê Thị Tú Anh	07/10/1997	LT23.2KN002				
8	000008	35171021843	Lê Trúc Anh	21/08/1993	LT22NH002				
9	000009	35171021497	Nguyễn Thị Kim Anh	04/03/1993	LT22KN002				
10	000010	35181020329	Thiều Nguyễn Phương Anh	01/08/1995	LT23.1FT001				
11	000011	35181020904	Trịnh Thị Quỳnh Anh	28/07/1993	LT23.1FN001				
12	000012	35181021369	Võ Huỳnh Xuân Anh	03/02/1995	LT23.1KN003				
13	000013	35181021099	Vũ Nguyễn Tùng Anh	18/10/1993	LT23.1FT006				
14	000014	35181025096	Phan Mạnh Bảo	07/01/1996	LT23.2FT001				
15	000015	35181021230	Phạm Gia Bảo	19/11/1996	LT23.1AD002				
16	000016	35181025552	Nguyễn Thị Biên	20/04/1985	LT23.2KN001				
17	000017	35181021118	Chung Thanh Bình	26/04/1989	LT23.1KN003				
18	000018	35181025060	Võ Minh An Bình	09/11/1995	LT23.2AD001				
19	000019	35181025468	Võ Thanh Bình	20/03/1997	LT23.2FT001				
20	000020	35181025265	Nguyễn Võ Sơn Ca	02/08/1994	LT23.2FN001				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

Nguyễn Văn Dương

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 24/05/2020 - **Phòng Thi:** B1-403 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000021	35191020020	Huỳnh Thị Thanh	Cẩm	01/01/1991	LT24.1AD01				
2	000022	35171020023	Huỳnh Thị Mỹ	Châu	26/04/1991	LT22AD002				
3	000023	35181025390	Lê Thị Minh	Châu	30/12/1996	LT23.2FN001				
4	000024	35191020193	Phạm Nguyễn Băng	Châu	23/10/1997	LT24.1FT01				
5	000025	35181025387	Huỳnh Phương	Chi	18/11/1997	LT23.2FN001				
6	000026	35181020921	Ngô Thị Quế	Chi	04/09/1992	LT23.1KN001				
7	000027	35181021150	Nguyễn Thị Linh	Chi	18/05/1996	LT23.1KN003				
8	000028	35181020827	Nguyễn Thị	Cúc	06/02/1993	LT23.1KN003				
9	000029	35181020945	Lưu Văn	Cường	11/07/1992	LT23.1NH001				
10	000030	35181025112	Trần Huy	Cường	29/11/1988	LT23.2FT001				
11	000031	35181021245	Hồ Huỳnh	Danh	06/05/1996	LT23.1FN001				
12	000032	35181025079	Phùng Thế	Dân	01/11/1993	LT23.2FT001				
13	000033	35171021846	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	08/01/1991	LT22KN001				
14	000034	35181025541	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	20/06/1994	LT23.2FN001				
15	000035	35181020809	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	28/01/1993	LT23.1KN001				
16	000036	35181021164	Nguyễn Thị	Diệu	27/07/1993	LT23.1KN001				
17	000037	35181025105	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu	10/03/1995	LT23.2FT001				
18	000038	35181025040	Phan Mỹ	Diệu	10/04/1993	LT23.2AD001				
19	000039	35181025177	Bùi Thị	Dung	08/10/1992	LT23.2KN001				
20	000040	35181025459	Phạm Quỳnh	Dung	19/07/1996	LT23.2FT001				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

Nguyễn Văn Dương

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 24/05/2020 - **Phòng Thi:** B1-404 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000041	35181020634	Trịnh Thị Thúy Dung	07/08/1993	LT23.1KN001				
2	000042	35171020089	Bùi Huỳnh Khương Duy	29/09/1987	LT22AD002				
3	000043	35171020221	Đặng Khánh Duy	13/02/1990	LT22KN002				
4	000044	35181020086	Trịnh Duy	24/12/1996	LT23.1AD005				
5	000045	35181020548	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	29/09/1996	LT23.1FT004				
6	000046	35181020814	Lào Thị Thùy Duyên	30/10/1985	LT23.1KN004				
7	000047	35181020224	Hồ Thanh Duy Dũ	21/08/1995	LT23.1AD001				
8	000048	35171020850	Phạm Văn Dũng	28/09/1991	LT22FN002				
9	000049	35181020751	Vũ Thị Thùy Dương	23/12/1993	LT23.1KN003				
10	000050	35181021062	Phan Nguyên Tiến Đạt	27/09/1994	LT23.1NH001				
11	000051	35181025595	Nguyễn Xuân Điệp	27/10/1996	LT23.2AD001				
12	000052	35171021162	Nguyễn Thị Trà Giang	04/09/1993	LT22AD001				
13	000053	35181025182	Hà Thị Ngọc Giàu	28/04/1995	LT23.2KN002				
14	000054	35181020781	Nguyễn Lê Ngọc Ngân Giàu	15/11/1995	LT23.1KN002				
15	000055	35181021124	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	04/09/1996	LT23.1KN002				
16	000056	35181020282	Nguyễn Thị Thanh Hà	14/08/1996	LT23.1FT003				
17	000057	35191020330	Nguyễn Thị Thu Hà	14/09/1993	LT24.1FT01				
18	000058	35171021659	Phan Thị Thái Hà	20/12/1995	LT22KN006				
19	000059	35181020666	Phan Thị Thu Hà	20/06/1994	LT23.1KN002				
20	000060	35181025193	Phạm Thị Thu Hà	16/04/1991	LT23.2KN002				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

Nguyễn Văn Dương

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 24/05/2020 - **Phòng Thi:** B1-405 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000061	35181020044	Nguyễn Dương Hải	02/09/1995	LT23.1AD001				
2	000062	35181025463	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	12/07/1997	LT23.2FT001				
3	000063	35181025089	Huỳnh Thị Thúy Hằng	11/01/1996	LT23.2FT001				
4	000064	35181020974	Nguyễn Thị Thanh Hằng	25/12/1991	LT23.1NH001				
5	000065	35181025548	Trần Thị Kim Hằng	29/11/1994	LT23.2AD001				
6	000066	35181025025	Trương Phương Hậu	13/12/1994	LT23.2AD001				
7	000067	35181020801	Nguyễn Thị Thu Hiền	01/09/1995	LT23.1KN001				
8	000068	35181020906	Phan Thị Hiền	25/01/1996	LT23.1FN001				
9	000069	35181020984	Trần Thanh Hiền	04/11/1992	LT23.1NH001				
10	000070	35191020497	Trương Mỹ Hiền	09/08/1995	LT24.1AD01				
11	000071	35181020675	Nguyễn Thị Kim Hoa	24/10/1994	LT23.1KN001				
12	000072	35181020971	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	09/09/1993	LT23.1KN003				
13	000073	35181020368	Lê Thị Thu Hồng	25/04/1995	LT23.1FT004				
14	000074	35191020162	Nguyễn Thị Minh Hồng	21/12/1996	LT24.1KN02				
15	000075	35181021131	Phạm Thị Thúy Hồng	18/10/1995	LT23.1KN002				
16	000076	35181025333	Nguyễn Hồ Minh Huệ	02/02/1994	LT23.2FT001				
17	000077	35181020873	Nguyễn Thị Huệ	09/06/1991	LT23.1KN002				
18	000078	35181025243	Hồ Xuân Huy	17/08/1997	LT23.2FN001				
19	000079	35181020662	Nguyễn Trần Đắc Huy	14/02/1995	LT23.1KN004				
20	000080	35171021301	Trịnh Thị Lệ Huyền	12/08/1989	LT22KN004				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

Nguyễn Văn Dương

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 24/05/2020 - **Phòng Thi:** B1-407 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000081	35181021288	Vũ Thị Huyền	01/04/1996	LT23.1AD005				
2	000082	35181025286	Nguyễn Thị Kim Huỳnh	30/01/1996	LT23.2KN001				
3	000083	35171020475	Phạm Ngọc Huỳnh	16/06/1993	LT22FT001				
4	000084	35181025027	Nguyễn Minh Hùng	30/04/1996	LT23.2AD001				
5	000085	35181020152	Dương Tấn Hưng	05/05/1995	LT23.1AD005				
6	000086	35181025159	Liêu Ngọc Hương	08/10/1993	LT23.2KN001				
7	000087	35171020748	Nguyễn Thị Lan Hương	18/11/1993	LT22NH002				
8	000088	35181020458	Nguyễn Thị Lan Hương	22/09/1996	LT23.1FT002				
9	000089	35181020546	Trương Lan Hương	06/04/1994	LT23.1KN003				
10	000090	35181020491	Từ Thị Hồng Hương	09/08/1996	LT23.1KN002				
11	000091	35181020140	Lương Thị Kim Hường	13/01/1995	LT23.1AD002				
12	000092	35181020178	Trần Tố Hữu	25/06/1991	LT23.1AD001				
13	000093	35171021553	Võ Đức Khang	14/10/1992	LT22FN002				
14	000094	35181025298	Huỳnh Đức Khải	19/03/1992	LT23.2FN001				
15	000095	35181025306	Đặng Đức Khiêm	12/04/1990	LT23.2FN001				
16	000096	35181020434	Huỳnh Kim Khiếu	29/05/1996	LT23.1FT007				
17	000097	35181025535	Đặng Thị Khoa	16/06/1992	LT23.2FN001				
18	000098	35181025364	Dương Thị Thanh Kiều	21/09/1997	LT23.2FT001				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

Nguyễn Văn Dương

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 24/05/2020 - **Phòng Thi:** B1-408 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000099	35181021076	Lê Thị Thúy Kiều	01/06/1993	LT23.1NH001				
2	000100	35181025176	Trần Ngọc Kiều	10/10/1995	LT23.2KN002				
3	000101	35181020598	Phạm Quới Kim	02/01/1986	LT23.1KN001				
4	000102	35181020417	Đặng Thị Hoàng Lam	29/09/1996	LT23.1FT005				
5	000103	35181020783	Mai Hương Lan	02/10/1996	LT23.1KN001				
6	000104	35181025331	Nguyễn Thị Thu Lài	04/05/1993	LT23.2KN002				
7	000105	35181020167	Nguyễn Thanh Lâm	27/08/1996	LT23.1AD002				
8	000106	35181020866	Nguyễn Quốc Lập	02/08/1993	LT23.1NH001				
9	000107	35191020215	Nguyễn Thị Thê Lệ	30/05/1990	LT24.1KN01				
10	000108	35181020982	Châu Thị Kim Liên	12/09/1996	LT23.1KN001				
11	000109	35171020884	Lý Thị Liên	24/12/1993	LT22NH001				
12	000110	35181021028	Đặng Thị Bé Liều	10/02/1989	LT23.1KN001				
13	000111	35171020521	Nguyễn Thị Bích Liều	11/01/1995	LT22FT003				
14	000112	35181020836	Dương Phạm Mỹ Linh	27/07/1992	LT23.1KN004				
15	000113	35171021611	Đặng Thị Hoàng Linh	29/12/1994	LT22AD001				
16	000114	35181020347	Hoàng Thị Trúc Linh	26/12/1994	LT23.1FT002				
17	000115	35181020062	Nguyễn Thị Ngọc Linh	31/10/1996	LT23.1AD004				
18	000116	35181025081	Nguyễn Thị Thùy Linh	01/01/1988	LT23.2AD001				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

Nguyễn Văn Dương

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 24/05/2020 - **Phòng Thi:** B1-409 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000117	35181021194	Nguyễn Yến Linh	13/06/1996	LT23.1FT004				
2	000118	35181020493	Phan Thị Mỹ Linh	18/07/1995	LT23.1KN001				
3	000119	35191020180	Trần Mỹ Linh	14/06/1997	LT24.1AD01				
4	000120	35181025201	Trần Thị Ngọc Linh	20/03/1994	LT23.2KN001				
5	000121	35181021001	Trần Yến Linh	11/10/1990	LT23.1FN002				
6	000122	35171020132	Hồ Thị Kiều Loan	02/04/1992	LT22AD001				
7	000123	35181020435	Lưu Thị Phương Loan	10/10/1991	LT23.1AD004				
8	000124	35181025181	Nguyễn Thị Thanh Loan	11/03/1996	LT23.2KN001				
9	000125	35181025152	Phan Thị Loan	15/08/1992	LT23.2KN001				
10	000126	35171021871	Phùng Thị Kim Loan	26/02/1994	LT22FT003				
11	000127	35171020725	Đào Xía Long	14/07/1994	LT22NH002				
12	000128	35181021302	Nguyễn Hoàng Long	04/10/1993	LT23.1AD002				
13	000129	35181025054	Trịnh Thanh Long	16/04/1995	LT23.2AD001				
14	000130	35171021857	Nguyễn Văn Luân	01/09/1993	LT22AD003				
15	000131	35181021036	Mai Thị Luyến	21/07/1993	LT23.1FN002				
16	000132	35181025441	Đoàn Thị Lượ	20/10/1986	LT23.2KN002				
17	000133	35181025391	Nguyễn Đặng Khánh Ly	09/08/1997	LT23.2FN001				
18	000134	35171021008	Nguyễn Trần Thị Hải Ly	15/12/1993	LT22NH001				
19	000135	35171020849	Hồ Thị Lý	06/04/1991	LT22FN002				
20	000136	35181025365	Phạm Thị Thiên Lý	12/06/1997	LT23.2FT001				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

Nguyễn Văn Dương

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 24/05/2020 - **Phòng Thi:** B1-502 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000137	35171021619	Bùi Nguyễn Hoàng	Mai	03/03/1992	LT22NH002				
2	000138	35181025133	Đặng Thị Trúc	Mai	02/02/1993	LT23.2KN002				
3	000139	35181020837	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/10/1993	LT23.1KN001				
4	000140	35181021213	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	02/12/1987	LT23.1KN002				
5	000141	35181020742	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	29/06/1993	LT23.1KN002				
6	000142	35181025566	Nguyễn Thị Xuân	Mai	05/09/1997	LT23.2FT001				
7	000143	35181020720	Phan Thị Thúy	Mai	20/11/1992	LT23.1FT006				
8	000144	35181025440	Trần Đại	Mạnh	15/07/1993	LT23.2FN001				
9	000145	35181020147	Nguyễn Trần	Mẫn	13/11/1993	LT23.1AD004				
10	000146	35181020418	Phạm Thị Hà	Mi	27/10/1996	LT23.1FT002				
11	000147	35181020860	Trương Hoàng Mi	Mi	24/11/1996	LT23.1FN002				
12	000148	35191020325	Hoàng Thị Ngọc	Minh	20/08/1989	LT24.1FT01				
13	000149	35171021912	Nguyễn Thị Tuyết	Minh	28/05/1993	LT22KN006				
14	000150	35181025398	Nguyễn Thị Như	Mơ	24/06/1997	LT23.2FN001				
15	000151	35181025360	Trương Thị Ngọc	Muội	25/07/1997	LT23.2FN001				
16	000152	35171020253	Trần Văn Bé	Mười	09/09/1994	LT22FT001				
17	000153	35181020980	Nguyễn Bá	Nam	26/11/1990	LT23.1NH001				
18	000154	35181021362	Trần Phương	Nam	16/02/1992	LT23.1AD003				
19	000155	35181020616	Lê Thị Tố	Nga	12/12/1983	LT23.1KN002				
20	000156	35181025305	Phạm Thị Thanh	Nga	26/11/1992	LT23.2KN002				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

Nguyễn Văn Dương

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 24/05/2020 - **Phòng Thi:** B1-503 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000157	35171020055	Trần Thị Nga	01/05/1993	LT22FT001				
2	000158	35181025220	Nguyễn Thị Thu	12/08/1996	LT23.2KN002				
3	000159	35181021132	Ngô Thị Thảo	26/07/1995	LT23.1KN001				
4	000160	35181025601	Phạm Phương	28/11/1997	LT23.2FN001				
5	000161	35181025578	Dương Hồng	26/05/1993	LT23.2AD001				
6	000162	35181020779	Võ Thị Minh	10/06/1993	LT23.1KN003				
7	000163	35171021415	Dương Thị Ngọc	02/01/1993	LT22KN006				
8	000164	35181020109	Huỳnh Như	27/08/1996	LT23.1FT005				
9	000165	35181020684	Ngô Thị Kim	01/11/1992	LT23.1KN004				
10	000166	35181025366	Nguyễn Đình Bảo	01/11/1997	LT23.2FT001				
11	000167	35181020456	Nguyễn Thị Hồng	23/04/1996	LT23.1FT007				
12	000168	35181020576	Nguyễn Thị Hồng	20/06/1996	LT23.1KN001				
13	000169	35171020066	Phạm Hồng	25/01/1995	LT22AD001				
14	000170	35181020450	Phạm Thị Thảo	11/07/1996	LT23.1FT003				
15	000171	35181020796	Triệu Mỹ	15/05/1996	LT23.1KN004				
16	000172	35181020331	Trương Nguyễn Ánh	06/10/1996	LT23.1FT006				
17	000173	35181021271	Mai Ngọc Xuân	15/01/1995	LT23.1KN002				
18	000174	35171021859	Vũ Hoàng Trung	22/02/1994	LT22NH002				
19	000175	35181025097	Đỗ Kiều	17/06/1996	LT23.2FT001				
20	000176	35181020635	Nguyễn Thị	18/05/1993	LT23.1KN002				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

Nguyễn Văn Dương

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 24/05/2020 - **Phòng Thi:** B1-504 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000177	35171021074	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	01/06/1990	LT22KN003				
2	000178	35181020656	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	14/04/1997	LT23.1KN004				
3	000179	35181025003	Trương Thị Ánh	Nguyệt	18/05/1994	LT23.2AD001				
4	000180	35181021158	Nguyễn Thành	Nhân	20/08/1993	LT23.1FN002				
5	000181	35171021109	Huỳnh Lê Hoài	Nhi	27/12/1995	LT22KN001				
6	000182	35171021696	Lư Ngọc	Nhi	29/03/1992	LT22FN001				
7	000183	35181025076	Lý Phu	Nhi	18/05/1993	LT23.2AD001				
8	000184	35181025264	Nguyễn Thị	Nhi	20/02/1993	LT23.2FN001				
9	000185	35181020087	Phạm Nguyễn Yến	Nhi	16/07/1996	LT23.1AD003				
10	000186	35171021475	Trần Thị Kiều	Nhi	20/10/1992	LT22KN006				
11	000187	35181020359	Trần Thị Lan	Nhi	14/02/1995	LT23.1FT007				
12	000188	35181025559	Nguyễn Hồng	Nhiên	12/05/1997	LT23.2FT001				
13	000189	35181025077	Trần Thanh	Nhiên	29/01/1996	LT23.2FT001				
14	000190	35171020646	Dương Văn	Nhôm	26/11/1992	LT22NH002				
15	000191	35171021178	Lê Văn	Nhớ	25/10/1992	LT22FN001				
16	000192	35181020761	Dương Thị Mỹ	Nhung	23/08/1993	LT23.1NH001				
17	000193	35181020917	Lý Hồng	Nhung	20/05/1994	LT23.1NH001				
18	000194	35181025547	Ngô Thị	Nhung	08/03/1993	LT23.2FN001				
19	000195	35181020582	Nguyễn Thị	Nhung	02/07/1991	LT23.1KN003				
20	000196	35181020439	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	26/01/1996	LT23.1FT002				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

Nguyễn Văn Dương

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 24/05/2020 - **Phòng Thi:** B1-505 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000197	35181021005	Trần Thị Bích	Nhung	04/12/1990	LT23.1KN001				
2	000198	35181025565	Lê Việt	Như	10/10/1997	LT23.2FT001				
3	000199	35181020455	Phí Ngọc Quỳnh	Như	13/10/1996	LT23.1FT003				
4	000200	35181025131	Nguyễn Thị Minh	Nhật	02/10/1996	LT23.2KN002				
5	000201	35181020595	Nguyễn Thị Hằng	Ni	23/09/1993	LT23.1KN003				
6	000202	35181021115	Vũ Thị	Nôn	09/10/1987	LT23.1FT006				
7	000203	35181021232	Võ Thị Thu	Nữ	10/10/1993	LT23.1KN002				
8	000204	35181021361	Trần Thị	Oanh	26/04/1993	LT23.1KN004				
9	000205	35191020163	Võ Thị Hoàng	Oanh	10/04/1996	LT24.1KN02				
10	000206	35181025138	Lê Thị Ái	Phi	12/09/1993	LT23.2KN001				
11	000207	35181025577	Phan Thị	Phối	27/03/1997	LT23.2FT001				
12	000208	35191020006	Lê Nguyễn Thiên	Phú	17/12/1996	LT24.1KN01				
13	000209	35181020550	Đặng Quang	Phúc	02/10/1993	LT23.1KN004				
14	000210	35181025239	Hoàng Trần Diễm	Phụng	05/02/1994	LT23.2FN001				
15	000211	35181025212	Mai Thị Thúy	Phụng	10/10/1994	LT23.2FN001				
16	000212	35171020251	Nguyễn Thị Thanh	Phụng	18/07/1995	LT22AD001				
17	000213	35181020962	Cao Thị Trúc	Phương	25/06/1992	LT23.1NH001				
18	000214	35181021191	Đặng Hồng	Phương	12/04/1993	LT23.1FN002				
19	000215	35171020880	Hoàng Thị Nam	Phương	25/01/1992	LT22NH001				
20	000216	35181025086	Hồ Thanh	Phương	22/08/1995	LT23.2FT001				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

Nguyễn Văn Dương

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 24/05/2020 - **Phòng Thi:** B1-507 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000217	35181025388	Lê Thị Phương	Phương	24/12/1997	LT23.2FN001				
2	000218	35181025338	Nguyễn Thị Thanh	Phương	01/11/1996	LT23.2FT001				
3	000219	35181020374	Phan Trần Ngọc Mai	Phương	09/01/1996	LT23.1FT002				
4	000220	35181025524	Phạm Thị Anh	Phương	06/11/1986	LT23.2KN002				
5	000221	35181020348	Phạm Thị Thúy	Phương	03/03/1990	LT23.1AD005				
6	000222	35171020679	Trần Thị Nhã	Phương	05/11/1994	LT22FN002				
7	000223	35181021095	Trần Thị	Phương	21/01/1996	LT23.1KN003				
8	000224	35181025082	Võ Tuyết	Phương	30/08/1995	LT23.2FT001				
9	000225	35181021248	Nguyễn Trần Duy	Quang	04/09/1991	LT23.1FT004				
10	000226	35171020247	Trần Nhật	Quang	13/06/1993	LT22AD002				
11	000227	35171021716	Nguyễn Thị Bích	Quý	09/02/1993	LT22KN006				
12	000228	35181025476	Đặng Quốc	Quyên	10/05/1997	LT23.2FT001				
13	000229	35181025556	Nguyễn Ngọc	Quyên	22/05/1991	LT23.2KN002				
14	000230	35181020975	Nguyễn Trung	Quyên	29/03/1986	LT23.1AD004				
15	000231	35181020346	Trần Công	Quyên	09/02/1990	LT23.1FT003				
16	000232	35181021149	Nguyễn Ngô Anh	Quỳnh	01/11/1993	LT23.1FT003				
17	000233	35181020082	Phạm Thị Thúy	Quỳnh	15/11/1996	LT23.1AD005				
18	000234	35181020080	Huỳnh Hữu	Quý	30/08/1994	LT23.1AD002				
19	000235	35181020712	Nguyễn Thị	Quý	06/12/1994	LT23.1KN002				
20	000236	35181025326	Nguyễn	Sang	25/10/1995	LT23.2AD001				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

Nguyễn Văn Dương

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 24/05/2020 - **Phòng Thi:** B1-508 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000237	35171020164	Bùi Hữu Tài	28/05/1992	LT22AD002				
2	000238	35181021091	Bùi Hữu Tài	14/08/1996	LT23.1FT002				
3	000239	35171020631	Mai Thị Quế	15/05/1994	LT22FN001				
4	000240	35181021311	Nguyễn Ngọc Giang	30/07/1992	LT23.1FT006				
5	000241	35181025372	Phan Phạm Phương	28/10/1997	LT23.2FT001				
6	000242	35181025091	Trương Thị Quỳnh	06/08/1996	LT23.2KN001				
7	000243	35181020822	Văn Thị	02/05/1985	LT23.1KN003				
8	000244	35181020780	Võ Thị Hoài	12/05/1994	LT23.1KN004				
9	000245	35181020637	Nguyễn Tiến	03/10/1993	LT23.1FT007				
10	000246	35191020012	Đỗ Thị	20/11/1997	LT24.1KN02				
11	000247	35181021319	Lương Công	21/09/1992	LT23.1AD001				
12	000248	35181021255	Nguyễn Thị Thu	13/03/1991	LT23.1AD001				
13	000249	35191020025	Trần Ngọc	19/11/1997	LT24.1FT01				
14	000250	35181020428	Hoàng Ngọc	25/01/1995	LT23.1FT002				
15	000251	35181025374	Trần Thị Kim	19/02/1997	LT23.2FN001				
16	000252	35181025031	Huỳnh Thị Vĩnh	05/01/1995	LT23.2AD001				
17	000253	35181025288	Nguyễn Thị Cẩm	27/09/1994	LT23.2AD001				
18	000254	35181020865	Trần Thị Vân	02/02/1994	LT23.1NH001				
19	000255	35181020824	Đoàn Thị Thu	20/10/1993	LT23.1KN004				
20	000256	35181021168	Trịnh Thị Ngọc	01/02/1994	LT23.1FT007				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

Nguyễn Văn Dương

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 24/05/2020 - **Phòng Thi:** B1-509 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000257	35171021685	Đặng Thị Thu	Thùy	31/10/1992	LT22KN006				
2	000258	35181021133	Lã Thị Bích	Thùy	11/04/1985	LT23.1KN001				
3	000259	35181021167	Nguyễn Thị	Thùy	01/02/1991	LT23.1AD003				
4	000260	35181025120	Võ Thị Thanh	Thùy	01/02/1991	LT23.2FT001				
5	000261	35181025593	Trần Thị Ngọc	Thúy	12/10/1993	LT23.2AD001				
6	000262	35181020808	Bùi Thị Thu	Thư	01/03/1996	LT23.1FT007				
7	000263	35171021365	Lâm Thị Anh	Thư	14/10/1995	LT22KN004				
8	000264	35191020365	Lê Minh	Thư	03/11/1996	LT24.1KN02				
9	000265	35181025321	Ngô Anh	Thư	02/06/1995	LT23.2FT001				
10	000266	35181025397	Trần Thị Tiểu	Thư	26/10/1997	LT23.2FN001				
11	000267	35181025233	Võ Thị Anh	Thư	01/04/1995	LT23.2FN001				
12	000268	35181025475	Đào Nguyễn Hoài	Thương	24/06/1997	LT23.2FT001				
13	000269	35181021305	Nguyễn Hải	Thương	19/01/1990	LT23.1KN001				
14	000270	35181020845	Nguyễn Thụy Diễm	Thy	19/02/1990	LT23.1KN001				
15	000271	35181020165	Huỳnh Thị Bích	Tiên	20/10/1996	LT23.1AD003				
16	000272	35171021016	Trần Thị Cẩm	Tiên	24/12/1995	LT22KN005				
17	000273	35191020333	Châu Thị Thùy	Trang	27/07/1993	LT24.1FT01				
18	000274	35171021680	Nguyễn Đức Linh	Trang	16/03/1990	LT22FN001				
19	000275	35181020627	Nguyễn Minh	Trang	15/04/1995	LT23.1KN002				
20	000276	35181020486	Nguyễn Thị	Trang	05/08/1990	LT23.1KN002				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

Nguyễn Văn Dương

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 24/05/2020 - **Phòng Thi:** B1-701 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000277	35181020597	Nguyễn Thị Trang	15/04/1993	LT23.1KN004				
2	000278	35181025376	Nguyễn Thị Huyền	04/06/1997	LT23.2FN001				
3	000279	35171020199	Nguyễn Thị Thùy	22/04/1994	LT22AD003				
4	000280	35181025367	Nguyễn Thị Thùy	22/08/1997	LT23.2FT001				
5	000281	35181020211	Phùng Thị Thu	31/08/1995	LT23.1AD005				
6	000282	35181025359	Trần Thị Quỳnh	16/11/1997	LT23.2FN001				
7	000283	35171021911	Vũ Thị	11/06/1987	LT22KN004				
8	000284	35191020135	Trần Thị	04/06/1996	LT24.1KN03				
9	000285	35171021623	Nguyễn Thị Thu	01/08/1991	LT22FN002				
10	000286	35181020705	Phạm Thị Diệu	24/07/1996	LT23.1KN003				
11	000287	35171020944	Lê Hà Bảo	30/10/1993	LT22KN005				
12	000288	35181020794	Võ Thụy Huyền	19/01/1996	LT23.1KN002				
13	000289	35191020458	Đỗ Thị Kiều	27/07/1996	LT24.1FT01				
14	000290	35181025300	Trần Thị Ngọc	10/05/1997	LT23.2KN001				
15	000291	35181020041	Trần Tố	25/09/1995	LT23.1AD005				
16	000292	35181020886	Trần Trọng	01/05/1993	LT23.1NH001				
17	000293	35181020885	Trần Bình	02/09/1987	LT23.1NH001				
18	000294	35181021177	Trần Quang	10/01/1994	LT23.1NH001				
19	000295	35181025126	Hoàng Minh	04/02/1996	LT23.2FT001				
20	000296	35181020098	Đoàn Anh	06/01/1995	LT23.1AD002				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

Nguyễn Văn Dương

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 24/05/2020 - **Phòng Thi:** B1-702 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000297	35181025574	Hồ Quốc Tuấn	02/03/1993	LT23.2FN001				
2	000298	35181021015	Ngô Quang Tuấn	03/06/1993	LT23.1NH001				
3	000299	35181025442	Phan Thanh Tuấn	23/12/1991	LT23.2FT001				
4	000300	35181025533	Huỳnh Ngọc Kim Tuyên	22/11/1995	LT23.2AD001				
5	000301	35181025121	Bùi Thị Ngọc Tú	10/04/1992	LT23.2FT001				
6	000302	35191020024	Hoàng Thị Cẩm Tú	14/05/1997	LT24.1FT01				
7	000303	35181020508	Lê Thị Ngọc Tú	19/09/1993	LT23.1KN002				
8	000304	35181020366	Nguyễn Văn Tư	08/12/1991	LT23.1FT002				
9	000305	35181021106	Võ Văn Tư	03/11/1991	LT23.1NH001				
10	000306	35181025453	Lê Nguyễn Phương Uyên	01/08/1996	LT23.2AD001				
11	000307	35181020351	Nguyễn Duy Uyên	05/12/1996	LT23.1FT001				
12	000308	35181025538	Tô Thị Hồng Uyên	09/09/1993	LT23.2FT001				
13	000309	35181021321	Nguyễn Thị Kim Vân	06/10/1990	LT23.1KN003				
14	000310	35181020762	Trần Thị Vẹn	19/04/1996	LT23.1NH001				
15	000311	35181020108	Đặng Thị Yến Vi	07/04/1991	LT23.1AD005				
16	000312	35181025316	Nguyễn Thị Tường Vi	05/03/1997	LT23.2KN002				
17	000313	35181021227	Phạm Thị Tường Vi	19/08/1993	LT23.1KN002				
18	000314	35171021282	Trương Thị Tường Vi	01/09/1994	LT22KN005				
19	000315	35181025064	Nguyễn Bùi Diễm Viên	28/04/1994	LT23.2KN002				
20	000316	35181020502	Nguyễn Thị Vinh	04/06/1994	LT23.1KN001				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

Nguyễn Văn Dương

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG HAI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 24/05/2020 - **Phòng Thi:** B1-703 - **Giờ thi:** 13g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000317	35181020639	Phan Quốc	Vinh	04/05/1996	LT23.1AD002				
2	000318	35181025356	Phạm Ngọc Thảo	Vy	30/01/1997	LT23.2FN001				
3	000319	35181020816	Huỳnh Vũ	Vỹ	12/01/1994	LT23.1FT007				
4	000320	35181021113	Nguyễn Thành	Xuân	05/09/1992	LT23.1AD004				
5	000321	35181025235	Nguyễn Thị	Xuân	16/08/1995	LT23.2KN001				
6	000322	35181025034	Nguyễn Thị Kim	Yên	16/01/1997	LT23.2AD001				
7	000323	35181020596	Luu Kim	Yến	16/04/1993	LT23.1KN004				
8	000324	35171021225	Nguyễn Thị Hải	Yến	01/09/1995	LT22KN005				
9	000325	35171021602	Phạm Thị	Yến	01/06/1995	LT22KN006				
10	000326	35171021705	Nguyễn Thị Như	Ý	14/01/1993	LT22AD003				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

Nguyễn Văn Dương